

NÂNG CAO NHẬN THỨC, TẦM NHÌN VỀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VÀ QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

★ PGS, TS NGUYỄN VIỆT THẢO

*Viện Lãnh đạo học và Chính sách công,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

★ TS TRỊNH THANH TRÀ

*Vụ Các trường chính trị,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

- **Tóm tắt:** Từ cuối thế kỷ XX, thuật ngữ phát triển xã hội trở thành phổ biến trong lý luận và thực tiễn phát triển của thế giới. Đến nay, phát triển xã hội (social development) đã trở thành một phạm trù đồng đẳng với các phạm trù có liên quan mật thiết như: phát triển kinh tế (economic development); phát triển văn hóa (cultural development); phát triển con người (human development); phát triển bền vững (sustainable development)... Ở Việt Nam, những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản này đã sớm được luận chứng, định hướng trong đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cần kịp thời nâng cao nhận thức, tầm nhìn về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội.
- **Từ khóa:** Xã hội; phát triển; phát triển xã hội; quản lý phát triển xã hội.

1. Khái niệm phát triển xã hội

Xã hội (tiếng Anh là society) là không gian tồn tại và phát triển đặc trưng của con người. Nói đến xã hội là nói đến con người trên mọi cấp độ: cá nhân người, cộng đồng người và loài người trong các mối quan hệ phong phú, sinh động giữa họ với nhau và các mối quan hệ giữa họ với thiên nhiên. Xã hội cũng có nhiều tầng nấc, từ nhóm xã hội, tầng lớp xã hội, cộng đồng xã hội đến các giai cấp, quốc gia dân tộc, cộng đồng quốc tế. Dù ở cấp độ nào, xã hội cũng có quá trình vận động và phát triển được quyết định, suy cho cùng, bởi

các yếu tố vật chất, khách quan; bởi vậy, nghiên cứu xã hội luôn luôn phải bám sát phương pháp luận lịch sử - cụ thể.

Bằng hoạt động thực tiễn của mình, con người tạo ra cho xã hội những lĩnh vực cơ bản gồm: kinh tế, xã hội, văn hóa và chính trị. Lĩnh vực kinh tế, trước hết là các hoạt động kinh tế tạo ra của cải vật chất nuôi sống con người, bao gồm các nguồn lực và các hoạt động sản xuất, kinh doanh, phân phối... Đây cũng là những hoạt động của con người tác động vào tự nhiên, cải tạo tự nhiên phục vụ cuộc sống của con người. Trong

quá trình này, con người phải quan hệ với nhau ngày càng đa chiều, đa diện, tạo nên các quan hệ xã hội. Lĩnh vực xã hội của xã hội loài người, trong nội dung cơ bản của nó, chính là những quan hệ xã hội: hôn nhân, gia đình, chăm sóc sức khỏe, học hành, cứu trợ, bảo đảm cuộc sống... Cũng trong quá trình sản xuất vật chất và quan hệ xã hội đó, con người càng ngày càng có nhiều nhu cầu tinh thần, từ vui chơi, giải trí... đến tâm linh, thẩm mỹ..., làm xuất hiện lĩnh vực văn hóa của xã hội loài người. Các mối quan hệ kinh tế, xã hội, văn hóa giữa người với người ngày càng phát triển, đến khi có sự phân công lao động xã hội đạt trình độ nhất định, xã hội loài người bắt đầu phân chia thành giai cấp, có giai cấp thống trị và giai cấp bị trị. Lúc đó, lĩnh vực chính trị xuất hiện trong xã hội loài người, đặc trách vấn đề giành và giữ quyền lực trong xã hội.

Phát triển (tiếng Anh là development) là một thuộc tính của xã hội và diễn ra như một quá trình lịch sử - tự nhiên. Là một quá trình lịch sử, sự phát triển của xã hội loài người đáp ứng

những nhu cầu của con người trong mỗi không gian và thời gian cụ thể; đồng thời, được quyết định bởi trình độ phát triển của các yếu tố khách quan và chủ quan, vật chất và tinh thần của bản thân xã hội trong từng thời điểm xác định. Mỗi nấc thang phát triển của xã hội đều là sản phẩm của một thời đại lịch sử. Là một quá trình tự nhiên, sự phát triển của xã hội loài người không do một thế lực siêu nhiên nào sáng chế ra, mà là kết quả tất yếu nhờ hoạt động thực tiễn của chính con người trong từng bối cảnh cụ thể. Đó là một quá trình tiến triển từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện, kế thừa - phủ định nhau giữa các nấc thang phát triển và chịu sự chi phối của các quy luật khách quan. Toàn bộ quá trình phát triển lịch sử - tự nhiên như vậy được định danh bằng thuật ngữ triết học là tiến bộ xã hội (social progress). Ở mỗi thời kỳ lịch sử, tiến bộ xã hội đều đạt được nhờ một mô hình phát triển phổ biến, phản ánh nhu cầu trực tiếp của xã hội loài người thời kỳ ấy và phù hợp với các điều kiện của riêng nó.



Văn hóa - động lực hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước _ Ảnh: vov.vn

Từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, mô hình phát triển của đông đảo các quốc gia dân tộc trên thế giới đều coi trọng tăng trưởng kinh tế, tạo ra nhanh và nhiều tư liệu tiêu dùng và tư liệu sản xuất cho con người ở mọi cấp độ. Trong nhiều thập kỷ, cộng đồng quốc tế sử dụng một chỉ số duy nhất (nếu không thì cũng là chỉ số hàng đầu) là GDP bình quân đầu người để xác định trình độ phát triển của từng quốc gia dân tộc. Hầu hết các lý thuyết phát triển, về cơ bản, là các lý thuyết phát triển kinh tế. Tư duy, chính sách và thực tiễn phát triển này rõ ràng là mang nặng thiên hướng phát triển kinh tế (economic development), vừa tạo ra nhiều quá trình tăng trưởng ngoạn mục, sản xuất ra lượng của cải vật chất dồi dào, bảo đảm tiêu dùng ngày càng cao, thúc đẩy ngoại thương rộng mở...; đồng thời, vừa gây ra sự phiền diện của bản thân sự phát triển trên các bình diện xã hội, văn hóa, môi trường...

Đến cuối thế kỷ XX, cộng đồng quốc tế có nhiều chuyển biến trong nhận thức về nội hàm của phát triển và có ngày càng nhiều yêu cầu bổ sung, hoàn thiện mô hình phát triển cho đầy đủ hơn. Bên cạnh nhu cầu vật chất vẫn rất được coi trọng, thế giới đã xác định thêm phát triển xã hội, phát triển văn hóa, phát triển con người, bảo đảm môi trường sinh thái... như nội dung không thể thiếu được trong mô hình phát triển hiện đại. Hàng loạt các chỉ số đánh giá trình độ phát triển của từng quốc gia dân tộc đã được áp dụng chính thức, phổ biến, thậm chí bắt buộc trên toàn thế giới như Chỉ số phát triển con người (HDI), hệ số GINI, hệ số ICOR; chỉ số phát triển giới (GDI)...

Phát triển xã hội (tiếng Anh là social development) là một nội dung hữu cơ của phát triển, của tiến bộ xã hội. Tháng 3 năm 1995, lần đầu tiên Liên hợp quốc (United Nations) đã tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về Phát triển Xã hội tại thủ đô Copenhagen (Đan Mạch). Các nguyên thủ

quốc gia và những người đứng đầu các chính phủ trên thế giới tham dự Hội nghị đã tập trung phân tích thực trạng, nguyên nhân và đưa ra định hướng chính sách nhằm giải quyết các vấn đề xã hội nóng bỏng như: xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm và thực hiện công bằng xã hội. Hội nghị đưa ra Chương trình hành động, trong đó, khuyến nghị Chính phủ các nước dành ít nhất 20% ngân sách hàng năm cho việc giải quyết những vấn đề xã hội và xây dựng các quan hệ xã hội lành mạnh⁽¹⁾.

Như vậy, từ năm 1995, thế giới đã chính thức nhìn nhận phát triển xã hội như một phạm trù thuộc mục tiêu phát triển. Từ đó, Liên hợp quốc thường xuyên tổ chức các hội nghị đánh giá, tổng kết về phát triển xã hội trên phạm vi toàn cầu; đồng thời, cộng đồng quốc tế ngày càng hoàn thiện bổ sung cho nội dung phát triển xã hội. Đến nay, phát triển xã hội được nhận thức chung là đáp ứng những nhu cầu xã hội; là đổi mới tư duy về các chính sách và đầu tư công nhằm đạt được các kết quả phát triển công bằng và bền vững hơn về mặt xã hội; là bình đẳng về cơ hội phát triển... Ngân hàng Thế giới (World Bank) cũng đề xuất một khung khổ toàn diện về phát triển xã hội, gồm: xóa đói, giảm nghèo, đầu tư vào con người, phát triển y tế, giáo dục, bảo tồn và phát triển di sản văn hóa, thực hiện minh bạch và chống tham nhũng, bảo đảm bình đẳng, công lý, bảo vệ phụ nữ và những người dễ bị tổn thương, phòng ngừa xung đột...

Đặc biệt, sau khủng hoảng năm 2008, cộng đồng quốc tế thống nhất cao về chuyển hẳn sang mô hình phát triển bền vững (sustainable development). Năm 2015, Liên hợp quốc công bố 17 Mục tiêu *phát triển bền vững* (Sustainable Development Goals), được cụ thể hóa thành 169 chỉ tiêu rất sinh động để Chính phủ ở 193 quốc gia thành viên triển khai thực hiện đến năm 2030 phải hoàn thành⁽²⁾. Đây là mô hình phát triển toàn diện, bao

trùm (inclusive development), sự phát triển hôm nay phải là tiền đề cho tương lai phát triển của ngày mai, không đánh đổi văn hóa, tiến bộ xã hội, môi trường sinh thái... lấy tăng trưởng kinh tế, không để cá nhân, tầng lớp xã hội, cộng đồng, quốc gia dân tộc nào bị loại trừ ra khỏi quá trình phát triển. Trong mô hình phát triển bền vững, phát triển kinh tế, phát triển xã hội, phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường sinh thái được cấu trúc như bốn nội dung trụ cột, hữu cơ.

Có thể khái quát, phát triển xã hội bao gồm hai phương diện: *Một là*, giải quyết kịp thời và hiệu quả các nhu cầu của phát triển trên lĩnh vực xã hội, được thể hiện qua các vấn đề xã hội. *Hai là*, xây dựng và củng cố các quan hệ xã hội lành mạnh, trong đó có quan hệ giữa công dân với Nhà nước, giữa công dân với công dân, giữa cá nhân người với cộng đồng người... Cả hai phương diện này đều hướng tới mục tiêu tạo nên các giá trị xã hội tích cực, tiến bộ, nhân văn. Các vấn đề xã hội cơ bản và cấp bách hiện nay là: chăm sóc sức khỏe, giáo dục, việc làm, xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, trật tự và an toàn xã hội... Các quan hệ xã hội lành mạnh rất cần được duy trì, củng cố trên cơ sở các chuẩn mực của bình đẳng, công bằng xã hội, bình đẳng giới, tôn trọng nhân phẩm, đoàn kết xã hội, tự do tôn giáo, tín ngưỡng, quyền và trách nhiệm công dân, tự do tư tưởng...

Như một nội dung hữu cơ của phát triển nói chung, phát triển xã hội chỉ trở nên khả thi và tạo ra động lực góp phần thúc đẩy phát triển khi được triển khai thực hiện một cách thống nhất với phát triển kinh tế, phát triển văn hóa...; phù hợp với các điều kiện kinh tế cụ thể và với bản sắc văn hóa của từng cộng đồng, quốc gia, dân tộc. Mọi sự chậm trễ, tụt hậu cũng như các bước đi vượt trước quá xa của phát triển xã hội so với phát triển kinh tế đều đẩy cả phát triển xã hội và phát triển kinh tế vào tình trạng khó khăn, thất bại. Mọi khuynh

hướng triển khai phát triển xã hội rập khuôn, máy móc, thoát ly bản sắc văn hóa dân tộc cũng đều làm phá sản mọi chương trình phát triển văn hóa - xã hội. Trong những tình huống bất lợi như vậy, cũng sẽ rất khó bảo vệ chế độ chính trị, thể chế chính trị đang tồn tại.

2. Quan điểm của Đảng về phát triển xã hội

Trong những thập kỷ vừa qua, thế giới đã có nhiều bước phát triển trong nhận thức, tư duy về phát triển và phát triển xã hội; đồng thời, nhiều mô hình tổng quát đã được đưa ra như những khuyến cáo đối với Chính phủ các nước. Công cuộc *Đổi mới* của Việt Nam đã sớm nắm bắt những thành tựu và xu hướng của thời đại, kịp thời đổi mới tư duy và xây dựng đường lối, thiết kế chính sách đúng đắn, phù hợp.

Trong các văn kiện của Đảng, những vấn đề liên quan đến phát triển xã hội đã được khẳng định và từng bước được xác định về nội dung, phương hướng thực hiện.

Bước vào thời kỳ *Đổi mới*, Đảng đã sớm xác định nội hàm cụ thể của khái niệm “chính sách xã hội”. Đại hội VI (năm 1986) nêu rõ: “Chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người: điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hoá, quan hệ gia đình, quan hệ giai cấp, quan hệ dân tộc... Cần thể hiện đầy đủ trong thực tế quan điểm của Đảng và Nhà nước về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, khắc phục thái độ coi nhẹ chính sách xã hội, tức là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội”⁽³⁾. Quan niệm này đánh dấu sự đổi mới nhận thức của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội như một quá trình hữu cơ, thống nhất giữa hai nhân tố kinh tế và xã hội, làm tiền đề cho quá trình tiếp tục nhận thức, đổi mới tư duy về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội. Ngay ở quan điểm ban đầu này, trong những phương châm cốt lõi của công cuộc *Đổi*

mới đã được thể hiện là đặt con người vào vị trí trung tâm, lấy việc phát triển nhân tố con người làm thước đo hiệu quả của mọi hoạt động kinh tế, xã hội.

Đại hội VII của Đảng (năm 1991) nhấn mạnh mục tiêu của chính sách xã hội trong mối quan hệ với chính sách kinh tế: “Mục tiêu của chính sách xã hội thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế, đều nhằm phát huy sức mạnh của nhân tố con người và vì con người. Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của Nhân dân. Coi phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện các chính sách xã hội, thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế”⁽⁴⁾. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội VII của Đảng nêu rõ: “Chính sách xã hội đúng đắn vì hạnh phúc con người là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội”⁽⁵⁾.

Tại Đại hội VIII (năm 1996), Đảng có thêm bước phát triển trong tư duy về phát triển kinh tế - xã hội, nhất là về công bằng xã hội và giải quyết các vấn đề xã hội. Văn kiện Đại hội nêu rõ: “Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển. Công bằng xã hội phải thể hiện ở cả khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất; thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời, phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội; khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói, giảm nghèo. Các vấn đề chính sách xã hội đều được giải quyết theo tinh thần xã hội hóa. Nhà nước giữ vai

trò nòng cốt, đồng thời, động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội, các cá nhân và tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết những vấn đề xã hội”⁽⁶⁾.

Tổng kết 20 năm *Đổi mới*, Đại hội X (năm 2006) của Đảng tiếp tục nhấn mạnh mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa, con người: “Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn quyền lợi và nghĩa vụ, cống hiến và hưởng thụ, tạo động lực mạnh mẽ và bền vững hơn cho phát triển kinh tế - xã hội”⁽⁷⁾.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định rõ chính sách xã hội có vai trò tạo động lực thúc đẩy sự phát triển: “Chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hòa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất, gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng xã hội”⁽⁸⁾.

Kế thừa hệ thống quan điểm rất cơ bản nêu trên về phát triển kinh tế, chính sách xã hội, công bằng xã hội..., Đại hội XII của Đảng (năm 2016) lần đầu tiên nêu phạm trù “phát triển xã hội bền vững” và khái niệm “quản lý phát triển xã hội”, thể hiện cách tiếp cận mới trong quản trị đất

nước, đặt ra yêu cầu nhận thức sâu sắc về vị trí, tầm quan trọng của phát triển xã hội bền vững và quản lý phát triển xã hội trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đại hội XIII của Đảng được tổ chức đầu năm 2021 đã nêu ra một hệ thống quan điểm, chủ trương và các định hướng lớn nhằm tiếp tục đẩy mạnh đồng bộ sự phát triển bền vững của đất nước, trong đó, phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội là những nội dung quan trọng, không được xem nhẹ mà phải ngang bằng với phát triển kinh tế, quản lý phát triển kinh tế. Trong đời

hỏi chung ấy đã bao hàm nhiệm vụ nâng cao nhận thức, tầm nhìn về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị nước nhà. Đến Đại hội XIII, Đảng ta đã khẳng định những thành công bước đầu của quản lý phát triển xã hội; đồng thời, nêu rõ một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước”⁽⁹⁾; đồng thời, phải “quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng môi trường văn hoá, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh; chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng dân số, giảm dân số với phát triển; quan tâm đến mọi người dân, bảo

đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập, thực hiện tốt phúc lợi xã hội, an sinh xã hội. Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”⁽¹⁰⁾.

Mặc dù tham khảo, kế thừa tư duy của thế giới về quản lý phát triển xã hội, nhưng Việt Nam không máy móc, rập khuôn, mà đã chủ động xác định tiêu chí cơ bản và các mục tiêu, yêu cầu cụ thể là “quản lý phát triển xã hội bền vững, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội”⁽¹¹⁾. Đại hội XIII cũng nhấn mạnh phải “nhận thức đầy đủ và đảm bảo

định hướng xã hội chủ nghĩa trong các chính sách xã hội...; đảm bảo tính bền vững trong các chính sách xã hội...; xây dựng và thực hiện đồng bộ thể chế, chính sách phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội bền vững, hài hòa”⁽¹²⁾.

Như vậy là, ngay từ rất sớm, Đảng, Nhà nước đã có quá trình đổi mới nhận thức, quan điểm, chủ trương về các vấn đề liên quan đến phát triển xã hội.

Từ một hệ thống chính sách xã hội mang nhiều tính duy ý chí, bao cấp trước kia, từng bước nhận thức ngày càng sáng tỏ về tính thống nhất, biện chứng, tác động lẫn nhau giữa kinh tế và văn hóa, xã hội, con người; giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, con người; giữa chính sách kinh tế với chính sách xã hội. Cùng với quan điểm phát triển kinh tế là sự nghiệp của mọi thành phần kinh tế, của toàn xã hội, Đảng, Nhà nước cũng nhận thức đúng đắn, kịp thời nhu cầu huy động mọi nguồn lực, sức mạnh của Nhà nước và toàn xã hội vào giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện chính sách xã hội, tiến bộ và công bằng xã

Ngay từ rất sớm, Đảng, Nhà nước đã có quá trình đổi mới nhận thức, quan điểm, chủ trương về các vấn đề liên quan đến phát triển xã hội. Từ một hệ thống chính sách xã hội mang nhiều tính duy ý chí, bao cấp trước kia, từng bước nhận thức ngày càng sáng tỏ về tính thống nhất, biện chứng, tác động lẫn nhau giữa kinh tế và văn hóa, xã hội, con người; giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, con người; giữa chính sách kinh tế với chính sách xã hội.

hội trong từng bước đi và trong suốt quá trình phát triển đất nước.

Những thành tựu phát triển xã hội không có mục đích tự thân, mà cần phải tạo động lực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của đất nước, phải trở thành tiền đề, công cụ, giải pháp nâng cao sức sản xuất và tăng trưởng kinh tế. Chính sách kinh tế và chính sách xã hội phải gắn kết hữu cơ với nhau; phải được thiết kế một cách hài hòa như những bộ phận trong một tổng thể thống nhất; không tuyệt đối hóa mặt này mà coi nhẹ mặt kia; cũng không được tách rời nhau trong tư duy chiến lược, hệ thống chính sách và tổ chức thực hiện.

Mọi chính sách kinh tế đều mang bản chất xã hội, vì đều nhằm tạo ra nguồn lực vật chất để phát

triển một xã hội cụ thể. Ngược lại, mọi chính sách xã hội cũng đều mang bản chất kinh tế, vì đều phụ thuộc vào sự huy động các nguồn lực vật chất và phụ thuộc vào cách thức phân phối lại sản phẩm trong toàn xã hội. Bất kỳ ý tưởng nào xem phát triển kinh tế là một công việc thuần túy “khoa học”, thoát ly khỏi một xã hội cụ thể; hoặc bất kỳ một ý tưởng nào xem chính sách xã hội chỉ là vấn đề “đạo lý”, bất chấp mọi điều kiện kinh tế - vật chất cụ thể, đều là khởi đầu cho những sai lầm nghiêm trọng, kéo dài. Khoa học kinh tế là một bộ môn khoa học xã hội vì nó nghiên cứu quản lý các nguồn lực, trong đó có nguồn nhân lực; nghiên cứu chế độ và hình thức sở hữu, công bằng xã hội; nghiên cứu các quan hệ sản xuất nói chung ❖

(1) Department of Economic and Social Affairs, United Nations (1995), *World Summit for Social Development 1995*, <https://www.un.org/development/desa/dspd/world-summit-for-social-development-1995.html>.

(2) Department of Economic and Social Affairs, United Nations (2015), *The 17 Goals*, <https://sdgs.un.org/goals>.

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr.86.

(4) Ban Chấp hành Trung ương (2017), *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa VI trình tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng*, ngày 22/02/2017, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-khoa-vi-trinh-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quo-lan-thu-vii-cua-dang-1800>.

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, ngày 22/02/2017, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vii/cuong-linh-xay-dung-dat-nuoc-trong-thoi-ky-qu-a-do-len-chu-nghia-xa-hoi-1558>.

(6) Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.113-114.

(7) Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.101.

(8) Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.79.

(9), (10), (11), (12) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.114, 116, 147, 147-148.